

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 30 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 06 tháng 01 năm 2016

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phân bổ kinh phí khắc phục hậu quả hạn hán  
vụ Hè Thu năm 2015 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

### CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1859/QĐ-TTg ngày 02/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ kinh phí khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn vụ Đông Xuân năm 2014-2015 và vụ Hè Thu năm 2015;

Căn cứ Công văn số 17131/BTC-NSNN ngày 18/11/2015 của Bộ Tài chính về việc hỗ trợ kinh phí khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn vụ Đông Xuân năm 2014-2015 và vụ Hè Thu năm 2015;

Xét đề nghị của Liên ngành Sở Tài chính - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 5028/TTr/LNSTC-NN&PTNT ngày 18/12/2015 về việc phân bổ kinh phí khắc phục hậu quả hạn hán vụ Hè Thu năm 2015,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt phân bổ kinh phí khắc phục hậu quả hạn hán vụ Hè Thu năm 2015 cho các Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi (gọi tắt là Công ty Thủy nông) và các huyện, thị xã (gọi tắt là huyện) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa để các ngành, các huyện và các đơn vị có liên quan thực hiện; với các nội dung chính như sau:

#### 1. Nguyên tắc phân bổ kinh phí:

1.1. Đối với 3 Công ty Thủy nông: Hỗ trợ 40% kinh phí chống hạn, trong đó ưu tiên hỗ trợ tiền dầu, điện vượt định mức bơm nước tưới tại thời điểm hạn hán trong giai đoạn sinh trưởng của cây trồng với mức hỗ trợ 100%. Kinh phí còn lại thực hiện nạo vét kênh dẫn, cửa lấy nước và kênh trữ nước.

1.2. Đối với các huyện: Hỗ trợ 60% kinh phí chống hạn để nạo vét kênh dẫn, cửa lấy nước và kênh trữ nước theo mức như sau:

- Mức 1: Đối với các huyện có diện tích tưới lớn hoặc có diện tích tưới với bậc nước tưới cao, ảnh hưởng hạn hán nặng; mức hỗ trợ 900 triệu đồng/huyện.

- Mức 2: Đối với các huyện có diện tích tưới trung bình hoặc có diện tích tưới do Các Công ty Thủy nông tạo nguồn, ảnh hưởng hạn hán nặng; mức hỗ trợ: 700 triệu đồng/huyện.

- Mức 3: Đối với các huyện còn lại; mức hỗ trợ: 500 triệu đồng/huyện.

**2. Phân bổ kinh phí: 30.700 triệu đồng.**

- Các Công ty Thủy nông: 12.200 triệu đồng;

+ Hỗ trợ trợ tiền điện, tiền dầu: 6.000 triệu đồng;

+ Nạo vét kênh dẫn, cửa lấy nước và kênh trữ nước: 6.200 triệu đồng.

- Các huyện nạo vét kênh dẫn, cửa lấy nước và kênh trữ nước: 18.500 triệu đồng;

+ Hỗ trợ theo mức 1 tại 12 huyện: 10.800 triệu đồng;

+ Hỗ trợ theo mức 2 tại 6 huyện: 4.200 triệu đồng;

+ Hỗ trợ theo mức 3 tại 7 huyện: 3.500 triệu đồng.

*(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)*

**3. Nguồn kinh phí:** Nguồn bổ sung có mục tiêu năm 2015 từ ngân sách Trung ương cho ngân sách tỉnh tại Công văn số 17131/BTC-NSNN ngày 18/11/2015 của Bộ Tài chính.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

1. Giao Sở Tài chính căn cứ Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh, thực hiện cấp kinh phí cho các Công ty Thủy nông và bổ sung có mục tiêu cho các huyện để tổ chức thực hiện.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Tài chính, các Công ty Thủy nông, các huyện thống nhất các nội dung, hạng mục hỗ trợ về nạo vét kênh dẫn, cửa lấy nước và kênh trữ nước đảm bảo đúng mục tiêu chống hạn theo quy định; có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức kiểm tra việc thực hiện của các Công ty Thủy nông, các huyện; đồng thời tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Các Công ty Thủy nông, UBND các huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định; quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng đối tượng và thanh quyết toán theo quy định hiện hành; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh và pháp luật Nhà nước về các quyết định của mình.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty, Chủ tịch Công ty Thủy nông và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chánh Văn phòng Lê Thanh Hải;
- Lưu: VT, NN.

**CHỦ TỊCH**

A circular official seal with a star in the center and text around the perimeter. Overlaid on the seal is a handwritten signature in black ink.


**Nguyễn Đình Xúng**

**PHỤ BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ KHÁC PHỤC HỤT QUẢ HẠN HÁN VỤ HÈ THU  
NĂM 2015, TỈNH THANH HÓA**

(Kèm theo Quyết định số: 30/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Diện tích tưới năm 2015 (ha)	Kinh phí hỗ trợ			Ghi chú
			Tổng số	Hỗ trợ tiền điện, tiền dầu	Nạo vét kênh dẫn, cửa lấy nước và kênh trữ nước	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>333.060</b>	<b>30.700</b>	<b>6.000</b>	<b>24.700</b>	
<b>I</b>	<b>Các Công ty Thủy nông</b>	<b>233.596</b>	<b>12.200</b>	<b>6.000</b>	<b>6.200</b>	Hỗ trợ 40% kinh phí chống hạn
1	Công ty TNHH một thành viên sông Chu	134.956	2.500		2.500	
2	Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Bắc sông Mã	63.853	4.300	2.400	1.900	
3	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Nam sông Mã	34.787	5.400	3.600	1.800	
<b>II</b>	<b>Các huyện, thị xã</b>	<b>99.464</b>	<b>18.500</b>		<b>18.500</b>	Hỗ trợ 60% kinh phí chống hạn
<b>a</b>	<b>Hỗ trợ theo mức 1</b>	<b>79.962</b>	<b>10.800</b>		<b>10.800</b>	
1	Huyện Nông Công	11.774	900		900	
2	Huyện Hà Trung	7.716	900		900	
3	Huyện Yên Định	10.370	900		900	
4	Huyện Bá Thước	5.003	900		900	
5	Huyện Như Thanh	5.422	900		900	
6	Huyện Tĩnh Gia	3.320	900		900	
7	Huyện Thọ Xuân	6.798	900		900	
8	Huyện Cẩm Thủy	8.452	900		900	
9	Huyện Triệu Sơn	5.720	900		900	
10	Huyện Vĩnh Lộc	8.788	900		900	
11	Huyện Ngọc Lặc	3.972	900		900	
12	Huyện Thường Xuân	2.627	900		900	
<b>b</b>	<b>Hỗ trợ theo mức 2</b>	<b>13.116</b>	<b>4.200</b>		<b>4.200</b>	
1	Huyện Thạch Thành	3.943	700		700	
2	Huyện Hậu Lộc	2.769	700		700	
3	Huyện Thiệu Hóa	2.869	700		700	
4	Huyện Như Xuân	2.600	700		700	

TT	Đơn vị	 Diện tích tưới năm 2015 (ha)	Kinh phí hỗ trợ			Ghi chú
			Tổng số	Hỗ trợ tiền điện, tiền dầu	Nạo vét kênh dẫn, cửa lấy nước và kênh trữ nước	
5	Huyện Đông Sơn		700		700	Diện tích tưới do Công ty TNHH một thành viên sông Chu tạo nguồn
6	Huyện Hoằng Hóa	935	700		700	
<b>c</b>	<b>Hỗ trợ theo mức 3</b>	<b>6.386</b>	<b>3.500</b>		<b>3.500</b>	
1	Huyện Quảng Xương	71	500		500	Diện tích tưới do Công ty TNHH một thành viên sông Chu tạo nguồn
2	Huyện Nga Sơn	736	500		500	
3	Huyện Quan Sơn	1.492	500		500	
4	Huyện Quan Hóa	1.164	500		500	
5	Thị xã Bìn Sơn	304	500		500	
6	Huyện Lang Chánh	2.158	500		500	
7	Thị xã Sầm Sơn	461	500		500	